

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3**

TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 142/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 12 - 2025

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi

2. Bà Võ Thị Kiều Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 270/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1991 (có mặt)

CCCD: 080191001536. Địa chỉ: Ô Khu A, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1986 (có mặt)

CCCD: 080086003578. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2025 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày như sau:

Về tình trạng hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thanh S trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 năm và tiến đến hôn nhân vào năm 2011. Cả hai người có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân gia đình tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 13/12/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Từ tháng 9/2025 thì hai người đã ly thân đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều T, sinh ngày 23/11/2024 hiện do bà nuôi. Khi ly hôn, bà xin tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Thanh S1 trình bày: về tình trạng hôn nhân ông thống nhất như bà D trình bày về thời gian tìm hiểu nhau, kết hôn, con chung còn về mâu thuẫn vợ chồng ông xác định rất thương yêu vợ con. Ông chưa từng đánh mắng vợ con. Ông và bà D kết hôn từ 2011 mãi đến năm 2024 mới sinh 01 đứa con ông rất mừng và quý vợ con ông đồng ý ly hôn vì không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Bởi vì trong khoảng thời gian gần đây có chị vợ cháu vợ anh rể về cùng sống trong ngôi nhà vợ chồng ông với mẹ vợ nên nhà chật, con ông sinh hoạt bất tiện phần vì cùng con nên ông với anh rể có cãi vã làm cho mẹ vợ ông không hài lòng về ông nên nói vợ ông ly hôn ông. Nay vợ chồng chị vợ đã ra ở riêng nên cuộc sống vợ chồng ông sẽ ổn định. Ông hứa sẽ cố gắng hết sức đi làm để nuôi vợ con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “Ly hôn” là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Thanh S có sinh sống tại địa chỉ: xã H, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kiều D khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh S được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Nguyễn Thị Kiều D xác định có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Thanh S và có 01 con chung. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Trần Thanh S1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau được 03 năm, hai người có đăng ký kết

hôn nên hôn nhân của ông bà phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng giữa ông S1 và bà D không có mâu thuẫn gì trầm trọng chỉ có ông S1 cãi vã với anh rể trong khi sống chung. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông S1 đã chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài, mục đích hôn nhân có thể đạt được nên không cần tuyên bà D được ly hôn với ông S1.

[2.2] Đối với con chung: do hai người không được cho ly hôn nên không đề cập xem xét người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản: không có không yêu cầu Tòa án nên không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: không có nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều D xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền bà D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà D đã nộp theo biên lai số 0004823 ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Như vậy bà D đã nộp xong.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Tây Ninh;
- UBND xã Hòa Khánh;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Thúy